



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận 0403000380 ngày 25 tháng 01 năm 2006
Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0800296853 ngày 10 tháng 05 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Kim Lâm	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Thư	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Quyền	Thành viên
Ông Lê Tuấn Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thanh	Thành viên (từ ngày 8 tháng 8 năm 2017)
Ông Nguyễn Thành Trung	Thành viên (đến ngày 7 tháng 8 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Văn Thư	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thủy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phường Phả Lại
Thị xã Chí Linh
Tỉnh Hải Dương
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc


Phạm Văn Thu
Tổng Giám đốc

Tỉnh Hải Dương, ngày 21 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

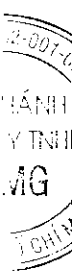
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-231



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.585.591.829.936	5.935.590.939.571
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	208.919.479.866	777.870.748.740
Tiền	111		32.919.479.866	37.870.748.740
Các khoản tương đương tiền	112		176.000.000.000	740.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		550.000.000.000	2.110.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	550.000.000.000	2.110.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.259.537.240.122	2.662.374.471.332
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	1.322.020.384.792	1.615.790.116.047
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		443.066.799	2.165.489.951
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10(a)	950.303.600.712	1.053.800.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		664.241.044	1.353.411.899
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(13.894.053.225)	(10.734.546.565)
Hàng tồn kho	140	12(a)	551.615.005.970	383.564.482.713
Hàng tồn kho	141		651.563.450.850	436.191.806.118
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(99.948.444.880)	(52.627.323.405)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.520.103.978	1.781.236.786
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		58.498.624	-
Thuế phải thu Nhà nước	153	17(b)	15.461.605.354	1.781.236.786

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.962.855.263.587	4.789.523.245.647
Các khoản phải thu dài hạn	210		933.166.866.953	1.707.970.467.665
Phải thu về cho vay dài hạn	215	10(b)	933.166.866.953	1.707.970.467.665
Tài sản cố định	220		302.689.389.707	325.946.507.577
Tài sản cố định hữu hình	221	13	302.550.669.915	325.477.065.121
Nguyên giá	222		13.392.457.591.910	13.380.203.267.171
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.089.906.921.995)	(13.054.726.202.050)
Tài sản cố định vô hình	227	14	138.719.792	469.442.456
Nguyên giá	228		58.730.276.512	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(58.591.556.720)	(58.260.834.056)
Tài sản dở dang dài hạn	240		384.664.348.918	380.035.835.353
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	384.664.348.918	380.035.835.353
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.269.401.556.350	2.204.882.437.712
Đầu tư vào công ty con	251	8(b)	-	27.476.250.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	8(b)	1.451.055.770.150	1.451.055.770.150
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	8(b)	1.084.843.117.400	1.084.843.117.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	8(b)	(266.497.331.200)	(358.492.699.838)
Tài sản dài hạn khác	260		72.933.101.659	170.687.997.340
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.504.309.693	2.076.371.904
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	12(b)	71.428.791.966	168.611.625.436
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.548.447.093.523	10.725.114.185.218

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	2.071.503.115.178	5.352.300.604.686
Nợ ngắn hạn	310	1.564.978.115.178	1.526.835.929.945
Phải trả người bán ngắn hạn	311 16	579.481.217.926	280.329.074.737
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	252.287.753	362.005.407
Thuế phải nộp Nhà nước	313 17(a)	48.334.585.383	72.502.474.870
Phải trả người lao động	314	61.383.091.780	57.771.455.147
Chi phí phải trả ngắn hạn	315 18	383.689.397.295	410.818.859.385
Phải trả ngắn hạn khác	319 19	3.080.781.208	270.695.675.422
Vay ngắn hạn	320 20(a)	443.598.262.405	364.329.971.543
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322 21	45.158.491.428	70.026.413.434
Nợ dài hạn	330	506.525.000.000	3.825.464.674.741
Vay dài hạn	338 20(b)	506.525.000.000	3.825.464.674.741
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	5.476.943.978.345	5.372.813.580.532
Vốn chủ sở hữu	410 22	5.476.943.978.345	5.372.813.580.532
Vốn cổ phần	411 23	3.262.350.000.000	3.262.350.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	11.692.500.615	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	171.214.559.929	160.144.544.191
Cổ phiếu quỹ	415	(87.388.368.719)	(125.602.728.849)
Quỹ đầu tư phát triển	418 25	539.635.616.751	541.669.911.034
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1.579.439.669.769	1.534.251.854.156
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	1.110.176.834.751	1.189.807.225.387
- LNST chưa phân phối năm nay	421b	469.262.835.018	344.444.628.769
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	7.548.447.093.523	10.725.114.185.218

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
 Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	27	6.235.981.560.327	5.865.840.752.572
Giá vốn hàng bán	11	28	5.445.269.600.925	5.397.628.888.893
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		790.711.959.402	468.211.863.679
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	412.270.190.612	531.255.162.342
Chi phí tài chính	22	30	119.937.680.022	253.577.896.838
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		72.132.217.450	125.359.277.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	80.673.450.670	87.339.442.472
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.002.371.019.322	658.549.686.711
Thu nhập khác	31		10.168.835.199	3.138.885.737
Chi phí khác	32		9.343.825.444	4.172.712.243
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		825.009.755	(1.033.826.506)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.003.196.029.077	657.515.860.205
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	149.197.529.259	58.547.540.236
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		853.998.499.818	598.968.319.969
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.680	2.063

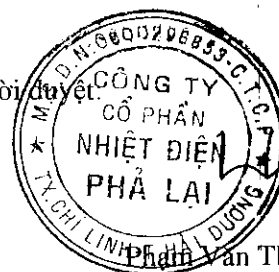
Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phan Văn Thư
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.003.196.029.077	657.515.860.205
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	37.038.126.354	63.125.325.861
Các khoản dự phòng	03	10.915.753.058	(91.776.418.521)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	29.965.389.895	206.534.726.856
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(410.060.667.306)	(522.741.567.057)
Chi phí lãi vay	06	72.132.217.450	125.359.277.566
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	743.186.848.528	438.017.204.910
Biến động các khoản phải thu	09	(915.698.413.558)	(541.474.653.906)
Biến động hàng tồn kho	10	(170.619.304.823)	113.115.268.053
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	299.846.207.102	(79.240.124.706)
Biến động chi phí trả trước	12	513.563.587	944.813.903
		(42.771.099.164)	(68.637.491.746)
Tiền lãi vay đã trả	14	(96.128.215.285)	(126.674.848.166)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(187.410.366.649)	(9.224.007.437)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(58.121.683.156)	(36.463.407.448)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(384.431.364.254)	(240.999.754.797)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

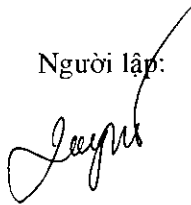
Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(18.409.522.049)	(78.030.609.302)
Tiền chi cho các khoản cho vay	23	(800.000.000.000)	(2.397.970.467.665)
Tiền thu hồi cho vay	24	3.238.300.000.000	3.101.200.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	60.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	465.365.333.973	484.306.233.538
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	2.945.255.811.924	1.109.505.156.571
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	49.906.860.745	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.300.000.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.459.265.820.189)	-
Tiền trả cổ tức	36	(1.020.416.757.100)	(794.884.615.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.129.775.716.544)	(794.884.615.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(568.951.268.874)	73.620.786.149
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	777.870.748.740	704.249.962.591
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 7)	70	208.919.479.866	777.870.748.740

Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

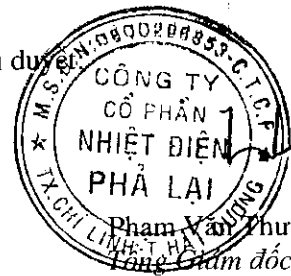


Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Phả Lại thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”) từ ngày 25 tháng 1 năm 2006. Khoản vốn góp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam vào Công ty đã được bàn giao cho Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên vào ngày 26 tháng 4 năm 2013 theo Quyết định số 3024/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công Thương về việc thành lập Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh điện năng (nhiệt điện).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã thoái vốn toàn bộ 2.500.000 cổ phần tại công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc. Do vậy, Công ty không lập báo cáo tài chính hợp nhất từ thời điểm mất quyền kiểm soát với đơn vị này.

(e) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 8(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 1.210 nhân viên (1/1/2017: 1.266 nhân viên).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (“Chế độ Kế toán EVN”). Những khác biệt giữa Chế độ kế toán EVN so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam trình bày trong các thuyết minh 3(a) và 3(h).

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá lần lượt là mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty áp dụng chính sách kế toán liên quan đến chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia theo hướng dẫn tại Nghị định số 82/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25 tháng 8 năm 2014 (“Nghị định 82”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 3003/BTC/TCĐN của Bộ Tài chính ngày 8 tháng 3 năm 2016 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (“Công văn 3003”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 2239/VPCP-KTTH ngày 4 tháng 4 năm 2016 (“Công văn 2239”).

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn của Nghị định 82, các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại theo nguyên tắc: số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ phải đảm bảo không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không). Hướng dẫn của Nghị định 82 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư 200 mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm phát sinh.

Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Nghị định 82 trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 là không trọng yếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ

Theo hướng dẫn của Công văn 3003, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của các công ty cổ phần phát điện do các Tổng Công ty Phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam chiếm cổ phần chi phối được phép ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2015 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2016 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ từ năm 2016 trở đi áp dụng theo quy định chung của Thông tư 200.

Việc áp dụng Công văn 3003 không có ảnh hưởng trọng yếu lên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị thị trường của khoản đầu tư thấp hơn giá trị còn lại của khoản đầu tư này. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dịch vụ dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, nguyên vật liệu là than dùng cho đốt lò máy phát điện được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là chi phí thực hiện đầu tư tính đến thời điểm bàn giao nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình hoặc giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán. Theo quy định tại Công văn số 2190/EVN-TCKT ngày 12 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về Hướng dẫn một số điểm chủ yếu của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khi nhận được quyết định phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành, nguyên giá tài sản cố định thay đổi, xác định lại mức trích khấu hao của tài sản cố định bằng giá trị quyết toán của tài sản cố định được phê duyệt trừ số đã trích khấu hao tại thời điểm phê duyệt quyết toán chia cho thời gian sử dụng còn lại.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	10 năm
▪ phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30 năm
▪ thiết bị quản lý	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm:

- quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối năm đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Sửa chữa lớn tài sản cố định

Theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CĐKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các công ty thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 (gọi chung là “Chế độ Kế toán EVN”), chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm dựa trên kế hoạch sửa chữa lớn hàng năm và được điều chỉnh vào cuối năm dựa trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh. Các công trình sửa chữa lớn đã phát sinh nhưng chưa quyết toán được theo dõi trên số dư tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” đồng thời với tài khoản “Chi phí phải trả” trên bảng cân đối kế toán. Khi quyết toán các công trình sửa chữa lớn, giá trị quyết toán sẽ được hạch toán bù trừ giữa hai khoản mục trên. Hướng dẫn của Chế độ Kế toán EVN có sự khác biệt so với quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 – “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng” (“VAS 18”) mà theo đó một khoản dự phòng chỉ được ghi nhận khi một số điều kiện được thỏa mãn trong đó gồm điều kiện doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra. Đối với trường hợp sửa chữa lớn tài sản cố định, điều kiện này không được thỏa mãn.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chi phí phát sinh và số dư của các công trình sửa chữa lớn theo VAS 18 thì các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ cùng giảm một khoản là 368.268.882.010 VND (1/1/2017: các tài khoản “Xây dựng cơ bản dở dang” và “Chi phí phải trả” giảm cùng một khoản là 374.294.010.447 VND) (Thuyết minh 15 và Thuyết minh 18).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Công ty cổ phần nhiệt điện Quảng Ninh và Công ty Cổ phần EVN Quốc tế lần lượt đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) từ các ngày 16 tháng 3 năm 2017 và ngày 28 tháng 2 năm 2017 (“ngày niêm yết”). Do đó, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này (Thuyết minh 8(b)) dựa vào giá thị trường kể từ ngày niêm yết. Trước ngày niêm yết, dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Công ty cho các khoản đầu tư vào hai công ty này được lập khi hai công ty này phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Sự thay đổi ước tính kế toán này đã làm chi phí tài chính giảm 32.274.782.142 VND và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế đã tăng lần lượt là 4.841.217.321 VND và 27.433.564.821 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: Không), các tài khoản “Thuế phải nộp Nhà nước” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đã tăng lần lượt là 4.841.217.321 VND và 27.433.564.821 VND và “Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn” đã giảm 32.274.782.142 VND trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: Không).

5. Thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Ngày 17 tháng 2 năm 2017, Công ty đã bán đấu giá toàn bộ 2.500.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc thu về 60 tỷ VND. Theo đó, Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát và không còn sở hữu cổ phần nào của Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc.

6. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	11.555	1.206.755
Tiền gửi ngân hàng	32.919.468.311	37.869.541.985
Các khoản tương đương tiền	176.000.000.000	740.000.000.000
	208.919.479.866	777.870.748.740

8. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	550.000.000.000	2.110.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo. Các khoản đầu tư này hưởng lãi suất năm từ 6,5% đến 7,0% (2016: 6,2% đến 7,5%).

Khoản đầu tư này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 27/2017-HĐTCTG/NHCT146-NHIETDIENPHALAI ngày 17 tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh 20(a)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	%	% quyền biểu quyết	31/12/2017		
					Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty liên kết <ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng 	(i) Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Đơn vị khác <ul style="list-style-type: none"> • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh • Công ty Cổ phần EVN Quốc tế • Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn • Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam • Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 	Quảng Ninh Đà Nẵng Buôn Mê Thuột Hà Nội Vũng Tàu	73.587.291 7.080.000 5.025.000 10.876.594 670.000	16,35% 19,30% 15,00% 10,61% 1,00%	16,35% 19,30% 15,00% 10,61% 1,00%	817.295.117.400 70.800.000.000 50.250.000.000 100.000.000.000 46.498.000.000	(213.879.331.200) (14.160.000.000) - - (38.458.000.000)	603.415.786.200 56.640.000.000 (*) (*) 8.040.000.000
					1.084.843.117.400	(266.497.331.200)	
					2.535.898.887.550	(266.497.331.200)	

**Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phá Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2017						
	Địa chỉ (Thành phố)	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:							
▪ Công ty con							
• Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện miền Bắc	Hải Dương	2.500.000	50,00%	60,00%	27.476.250.000	-	(*)
▪ Công ty liên kết							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	129.850.000	25,97%	25,97%	1.451.055.770.150	-	(*)
▪ Đơn vị khác							
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	73.587.291	16,35%	16,35%	817.295.117.400	(321.039.699.838)	(*)
• Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	Đà Nẵng	7.080.000	19,30%	19,30%	70.800.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Buôn Mê Thuột	5.025.000	15,00%	15,00%	50.250.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Hà Nội	10.876.594	10,61%	10,61%	100.000.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	Vũng Tàu	670.000	1,00%	1,00%	46.498.000.000	(37.453.000.000)	9.045.000.000
					1.084.843.117.400	(358.492.699.838)	
					2.563.375.137.550	(358.492.699.838)	

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0203000279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 17 tháng 9 năm 2002. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng là sản xuất, truyền tải và phân phối điện; khai thác khoáng sản; bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo công trình nhiệt điện; dịch vụ thí nghiệm, hiệu chỉnh các thiết bị điện và đào tạo, dạy nghề quản lý thiết bị vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị nhà máy điện.

Biến động dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	358.492.699.838	445.655.921.755
Trích lập dự phòng trong năm	15.165.000.000	9.559.149.665
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(107.160.368.638)	(96.722.371.582)
	266.497.331.200	358.492.699.838
Số dư cuối năm	266.497.331.200	358.492.699.838

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.269.243.237.201	1.474.727.642.218
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt (*)	17.373.269.593	17.373.269.593
Dự thu lãi tiền gửi và đầu tư (**)	32.556.611.111	120.385.027.778
Các khách hàng khác	2.847.266.887	3.304.176.458
	1.322.020.384.792	1.615.790.116.047

(*) Khoản phải thu này liên quan đến khoản vốn ủy thác đầu tư và lãi từ khoản vốn ủy thác đầu tư của Công ty tại Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt theo hợp đồng Ủy thác quản lý danh mục đầu tư số 05/2007/BVFM-UTĐT/PLPC ngày 18 tháng 9 năm 2007 và các biên bản và phụ lục hợp đồng từ năm 2007 đến năm 2014.

(**) Khoản phải thu này liên quan đến dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận theo hướng dẫn của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp áp dụng cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và hướng dẫn kế toán cho các đơn vị thành viên do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015, theo đó khoản dự thu lãi tiền gửi và đầu tư được ghi nhận vào phải thu của khách hàng.

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên quan		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.269.243.237.201	1.474.727.642.218

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Tăng VND	Chuyển thành khoản cho vay dài hạn VND	Thu hồi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND
Các khoản cho vay ngắn hạn	-	250.000.000.000	-	(74.500.000.000)	175.500.000.000	
Các khoản cho vay dài hạn đến hạn phải thu	1.053.800.000.000	962.970.467.665	(188.166.866.953)	(1.053.800.000.000)	774.803.600.712	
	1.053.800.000.000	1.212.970.467.665	(188.166.866.953)	(1.128.300.000.000)	950.303.600.712	

Các khoản phải thu về cho vay dài hạn từ Tổng Công ty Phát điện 2 – Công ty TNHH Một Thành Viên (“Genco 2”), công ty mẹ, theo hợp đồng huy động vốn số 01-2015/HĐHDV/PHALAI-EVNGENCO 2 ngày 19 tháng 5 năm 2015. Các khoản phải thu về cho vay này được bảo lãnh bằng cổ phần của Công ty sở hữu bởi Genco 2 có mệnh giá 1.664 tỷ VND (1/1/2017: 1.664 tỷ VND).



Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Cho vay dài hạn	1.707.970.467.665	2.761.770.467.665
Khoản đến hạn thu hồi trong vòng 12 tháng	(774.803.600.712)	(1.053.800.000.000)
	<hr/>	
Khoản đến hạn thu hồi sau 12 tháng	933.166.866.953	1.707.970.467.665
	<hr/>	

Điều khoản và điều kiện của các khoản cho vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
• Các khoản cho vay phải thu từ Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên, công ty mẹ	VND	7,03%	2018 - 2019	427.970.467.665	946.770.467.665
• Khoản cho vay phải thu từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	9,53%	2018 - 2025	280.000.000.000	315.000.000.000
• Khoản ủy thác quản lý vốn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất (*)	VND	8,03%	2018 - 2019	1.000.000.000.000	1.500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
				1.707.970.467.665	2.761.770.467.665
				<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản phải thu về cho vay dài hạn không có đảm bảo và đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty theo hợp đồng thế chấp số 28/2017-HĐTCQT/NHCT146-NHIETDIENPHALAI ngày 16 tháng 5 năm 2017 (Thuyết minh 20(a)).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn				
Công ty TNHH Quản lý Quý Đầu tư Chứng khoán Bảo Việt	trên 2 năm	17.373.269.593	(13.067.680.072)	4.305.589.521
	trên 2 năm	826.373.153	(826.373.153)	-
Khác				
		18.199.642.746	(13.894.053.225)	4.305.589.521
<i>Trong đó:</i>				
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		(13.894.053.225)		(10.734.546.565)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.734.546.565	7.716.432.800
Trích lập dự phòng trong năm	3.159.506.660	3.018.113.765
	13.894.053.225	10.734.546.565

12. Hàng tồn kho

(a) Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Dự phòng VND Đã phân loại lại
Vật tư và nhiên liệu	648.059.812.571	(97.932.169.517)	430.873.762.859	(50.677.619.617)
Công cụ và dụng cụ	3.485.043.974	(2.016.275.363)	5.264.025.418	(1.949.703.788)
Dịch vụ dở dang	18.594.305	-	54.017.841	-
	651.563.450.850	(99.948.444.880)	436.191.806.118	(52.627.323.405)

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Đã phân loại lại	Dự phòng VND Đã phân loại lại
Công cụ và dụng cụ	244.786.896.270	(173.358.104.304)	289.539.236.179	(120.927.610.743)

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho, ngắn hạn và dài hạn, như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	173.554.934.148	181.186.244.517
Trích lập dự phòng trong năm	99.751.615.036	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(7.631.310.369)
Số dư cuối năm	<u>273.306.549.184</u>	<u>173.554.934.148</u>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.706.069.733.049	11.554.108.133.749	77.231.694.183	40.124.443.450	2.669.262.740	13.380.203.267.171
Tăng trong năm	2.236.318.484	2.634.915.335	-	665.270.000	112.040.000	5.648.543.819
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	8.132.464.665	-	-	-	8.132.464.665
Xoá số	-	-	(1.160.343.890)	(283.539.855)	(82.800.000)	(1.526.683.745)
Số dư cuối năm	1.708.306.051.533	11.564.875.513.749	76.071.350.293	40.506.173.595	2.698.502.740	13.392.457.591.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	1.411.814.138.968	11.535.364.020.620	65.742.629.325	39.175.741.654	2.629.671.483	13.054.726.202.050
Khấu hao trong năm	26.234.061.740	6.605.365.107	3.195.973.498	642.830.267	29.173.078	36.707.403.690
Xoá số	-	-	(1.160.343.890)	(283.539.855)	(82.800.000)	(1.526.683.745)
Số dư cuối năm	1.438.048.200.708	11.541.969.385.727	67.778.258.933	39.535.032.066	2.576.044.561	13.089.906.921.995
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	294.255.594.081	18.744.113.129	11.489.064.858	948.701.796	39.591.257	325.477.065.121
Số dư cuối năm	270.257.850.825	22.906.128.022	8.293.091.360	971.141.529	122.458.179	302.550.669.915

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 12.589 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 12.436 tỷ VND).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	57.414.901.632	1.315.374.880	58.730.276.512
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	57.414.901.632	845.932.424	58.260.834.056
Khấu hao trong năm	-	330.722.664	330.722.664
Số dư cuối năm	57.414.901.632	1.176.655.088	58.591.556.720
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	469.442.456	469.442.456
Số dư cuối năm	-	138.719.792	138.719.792

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 57,7 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 57,7 tỷ VND).

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	380.035.835.353	305.314.133.232
Tăng trong năm	12.761.887.340	75.445.183.191
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.132.464.665)	(459.267.009)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(55.254.716)
Giảm khác	(909.110)	(208.959.345)
	384.664.348.918	380.035.835.353

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Sửa chữa lớn tài sản cố định (Thuyết minh 3(h))	368.268.882.010	374.294.010.447
Xây dựng cơ bản khác	16.395.466.908	5.741.824.906
	<hr/>	<hr/>
	384.664.348.918	380.035.835.353
	<hr/>	<hr/>

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam	239.451.805.746	-
Tổng công ty Đông Bắc – Bộ Quốc Phòng	134.443.278.468	20.928.960.240
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	87.476.812.224	62.170.947.893
Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Kỹ thuật DTL	39.980.739.735	45.974.033.785
Viện Nghiên cứu Cơ khí	13.316.813.313	55.036.990.237
Công ty Kinh doanh Than Bắc Lạng	-	13.084.943.681
Các nhà cung cấp khác	64.811.768.440	83.133.198.901
	<hr/>	<hr/>
	579.481.217.926	280.329.074.737
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

17. Thuế phải nộp/phải thu Nhà nước

(a) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	12.008.078.502	633.511.407.086	(645.519.485.588)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.332.170.648	149.197.529.259	(187.410.366.649)	19.119.333.258
Thuế tài nguyên	2.917.773.720	68.704.248.720	(44.881.146.855)	26.740.875.585
Thuế nhà đất	-	15.831.544.000	(15.831.544.000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	5.735.498.346	(5.619.387.846)	116.110.500
Các loại thuế khác	244.452.000	2.972.320.107	(858.506.067)	2.358.266.040
	72.502.474.870	875.952.547.518	(900.120.437.005)	48.334.585.383

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số cán trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	520.092.586.323	(504.630.980.969)	15.461.605.354
Thuế thu nhập cá nhân	1.781.236.786	-	(1.781.236.786)	-
	1.781.236.786	520.092.586.323	(506.412.217.755)	15.461.605.354

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn (*)	368.268.882.010	374.294.010.447
Chi phí lãi vay	8.370.165.788	32.366.163.623
Khác	7.050.349.497	4.158.685.315
	<hr/>	<hr/>
	383.689.397.295	410.818.859.385
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, chi phí sửa chữa lớn phải trả phản ánh giá trị các công trình sửa chữa lớn đã thực hiện trong năm nhưng chưa quyết toán (Thuyết minh 3(h)).

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.768.120.701	256.663.676.201
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	-	9.887.317.348
Bảo hiểm thất nghiệp	-	501.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	31.485.558
Phải trả khác	312.660.507	3.612.196.315
	<hr/>	<hr/>
	3.080.781.208	270.695.675.422
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	-	1.300.000.000.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	364.329.971.543	429.607.872.510	13.990.389.895	443.598.262.405
	364.329.971.543	1.729.607.872.510	13.990.389.895	443.598.262.405

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		31/12/2017	
	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND	Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	Đánh giá chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi số và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn	3.825.464.674.741	(429.607.872.510)	15.975.000.000	506.525.000.000
	3.825.464.674.741	(2.905.306.802.231)	15.975.000.000	506.525.000.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	950.123.262.405	4.189.794.646.284
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(443.598.262.405)	(364.329.971.543)
	506.525.000.000	3.825.464.674.741

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017	1/1/2017
				VND	VND
Khoản vay từ công ty mẹ cấp cao nhất	JPY	2,5%	2028	950.123.262.405	4.189.794.646.284

Khoản vay dài hạn từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam, công ty mẹ cấp cao nhất, được thực hiện theo hợp đồng vay lại số 002/2006/HDCVL ngày 30 tháng 11 năm 2006 từ nguồn vốn vay của Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (“JBIC”) để đầu tư xây dựng Dự án Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại 2. Lãi suất cho vay là 2,5% một năm và phí vay lại được tính bằng 0,2% một năm trên số dư nợ thực tế. Gốc vay được thanh toán trong vòng 22 năm 6 tháng bắt đầu từ năm 2006. Khoản vay này được Bộ Tài chính bảo lãnh với JBIC và không có tài sản đảm bảo.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	70.026.413.434	48.972.820.882
Trích lập trong năm (Thuyết minh 22)	33.253.761.150	57.517.000.000
Sử dụng trong năm	(58.121.683.156)	(36.463.407.448)
	45.158.491.428	70.026.413.434

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	3.262.350.000.000	-	157.128.522.365	(125.602.728.849)	487.842.267.483	2.099.554.425.764	5.881.272.486.763
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	598.968.319.969	598.968.319.969
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	3.016.021.826	-	(3.016.021.826)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	56.843.665.377	(56.843.665.377)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(57.517.000.000)	(57.517.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(1.049.910.226.200)	(1.049.910.226.200)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	3.262.350.000.000	-	160.144.544.191	(125.602.728.849)	541.669.911.034	1.534.251.854.156	5.372.813.580.532
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	853.998.499.818	853.998.499.818
Tài sản hình thành từ các quỹ	-	-	11.070.015.738	-	(11.070.015.738)	-	-
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	9.035.721.455	(9.035.721.455)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 21)	-	-	-	-	-	(33.253.761.150)	(33.253.761.150)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	11.692.500.615	-	38.214.360.130	-	-	49.906.860.745
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	-	(766.521.201.600)	(766.521.201.600)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.262.350.000.000	11.692.500.615	171.214.559.929	(87.388.368.719)	539.635.616.751	1.579.439.669.769	5.476.943.978.345

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	326.235.000	3.262.350.000.000	326.235.000	3.262.350.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	5.621.946	87.388.368.719	8.080.386	125.602.728.849
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.613.054	3.174.961.631.281	318.154.614	3.136.747.271.151

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2017		2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	318.154.614	3.136.747.271.151	318.154.614	3.136.747.271.151
Ảnh hưởng của phát hành lại cổ phiếu quỹ	2.458.440	38.214.360.130	-	-
Số dư cuối năm	320.613.054	3.174.961.631.281	318.154.614	3.136.747.271.151

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 15 tháng 8 năm 2017, Công ty đã đăng ký phát hành lại 8.080.386 cổ phiếu quỹ. Kết thúc giao dịch, Công ty đã tái phát hành lại được 2.458.440 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016 là 636 tỷ VND (tương đương 2.000 VND trên một cổ phiếu), trong đó có 255 tỷ đã được trích vào cuối năm 2016 (2016: phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2015 là 795 tỷ VND, tương đương 2.500 VND trên một cổ phiếu).

Tại cuộc họp ngày 17 tháng 11 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 cho cổ đông là 385 tỷ VND (tỷ tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu) (2016: tạm ứng cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2016: 255 tỷ VND, tương đương 800 VND trên một cổ phiếu).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển của Công ty được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

26. Khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	13.914.778.000	13.914.778.000
Trong vòng hai đến năm năm	55.659.112.000	55.659.112.000
Sau năm năm	468.464.192.667	482.378.970.667
	<hr/>	<hr/>
	538.038.082.667	551.952.860.667

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán điện	6.217.491.492.653	5.844.305.898.985
Doanh thu bán xỉ và phế liệu	18.490.067.674	21.534.853.587
	6.235.981.560.327	5.865.840.752.572

28. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu, phụ liệu	4.551.257.059.904	4.560.843.353.923
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	320.357.098.271	320.802.341.872
Chi phí nhân công	226.208.061.738	207.625.041.729
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	99.751.615.036	-
Chi phí bảo trì	81.764.887.933	155.037.886.361
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.601.598.237	56.617.942.424
Chi phí điện mua ngoài	40.402.648.542	35.794.551.009
Chi phí khác	92.926.631.264	60.907.771.575
	5.445.269.600.925	5.397.628.888.893

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi, cho vay	288.444.951.988	396.961.742.307
Cổ tức được chia	89.091.965.318	129.855.806.000
Lãi từ thanh lý đầu tư tài chính dài hạn	32.523.750.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.209.523.306	4,437.614.035
	412.270.190.612	531.255.162.342

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

30. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	72.132.217.450	125.359.277.566
Lỗi chênh lệch tỷ giá	109.461.737.986	4.641.855.685
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	29.965.389.895	206.534.726.856
Lỗi do thanh lý khoản đầu tư tài chính	-	4.075.981.250
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(91.995.368.638)	(87.163.221.917)
Chi phí tài chính khác	373.703.329	129.277.398
	119.937.680.022	253.577.896.838

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	45.480.167.644	45.924.057.698
Dự phòng phải thu khó đòi	3.159.506.660	3.018.113.765
Chi phí vật tư quản lý	1.101.050.341	4.989.980.718
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.440.091.595	5.151.841.005
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.112.707.858	5.844.480.561
Chi phí thuế, phí và lệ phí	4.839.044.180	4.534.212.759
Chi phí khác	18.540.882.392	17.876.755.966
	80.673.450.670	87.339.442.472

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhiên liệu trong chi phí sản xuất	4.551.257.059.904	4.646.462.725.124
Chi phí nhân công	271.688.229.382	253.549.099.427
Chi phí khấu hao và phân bổ	37.038.126.354	63.125.325.861
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.220.338.854	114.665.616.790
Chi phí sửa chữa lớn	320.357.098.271	320.802.341.872
Chi phí khác	213.382.198.830	86.363.222.291

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	148.741.500.217	58.108.914.236
Dự phòng thiếu trong những năm trước	456.029.042	438.626.000
Chi phí thuế thu nhập	149.197.529.259	58.547.540.236

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.003.196.029.077	657.515.860.205
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	150.479.404.362	98.627.379.031
Ưu đãi thuế	-	(28.650.253.765)
Thu nhập không bị tính thuế	(13.363.794.798)	(19.478.370.900)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	10.543.630.977	7.364.665.118
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.082.259.676	245.494.752
Dự phòng thiếu trong những năm trước	456.029.042	438.626.000
	149.197.529.259	58.547.540.236

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm đầu tiên chính thức chuyển sang công ty cổ phần (từ năm 2006 đến năm 2017) và thuế suất thuế thu nhập thông thường trong những năm tiếp theo. Thuế suất thuế thu nhập thông thường là 20% năm 2017 (2016: 20%).

Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 5 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2006 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2016). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	853.998.499.818	598.968.319.969
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
	853.998.499.818	598.968.319.969
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	853.998.499.818	598.968.319.969

(*) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thể ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	318.154.614	318.154.614
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	545.572	-
	318.700.186	318.154.614
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày	318.700.186	318.154.614

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Trả gốc vay	3.376.888.988.454	376.835.128.219
Chi phí lãi vay	58.240.436.627	125.359.277.566
Thu nhập lãi cho vay	168.492.838.888	142.187.222.222
Thu hồi khoản cho vay	535.000.000.000	535.000.000.000
Mua điện	39.254.061.212	32.581.311.956
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH Một Thành Viên		
Cho vay	250.000.000.000	427.970.467.665
Thu hồi khoản vay	593.300.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	74.143.284.310	68.074.733.450
Chia cổ tức	399.340.550.400	549.093.256.800
Công ty con		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.531.861.864	116.612.865.433
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	297.909.287	731.893.608
Thu nhập từ lãi phạt	-	14.000.000
Cổ tức được chia	-	3.750.000.000
Các công ty liên quan khác		
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Doanh thu bán điện	6.217.491.492.653	5.843.015.018.884
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng		
Cổ tức được chia	77.910.000.000	116.865.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Cổ tức được chia	6.492.226.618	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Buôn Đôn		
Cổ tức được chia	4.019.738.700	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	670.000.000	670.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt Ban Giám đốc		
Lương, thưởng Ban Giám đốc	2.635.948.000	2.343.831.000

Công ty Cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Cán trừ phần nợ gốc vay với khoản phải thu tiền điện từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	1.110.370.953.585	376.835.128.219
Chuyển khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sang khoản phải thu của khách hàng	-	14.351.965.073
Chuyển khoản cho vay ngắn hạn thành khoản cho vay dài hạn	188.166.866.953	946.770.467.665

37. Số liệu so sánh

Công ty đã phân loại lại nguyên vật liệu sang thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn theo công văn số 1272/GENCO2-TCKT ngày 4 tháng 5 năm 2017, đồng thời phân loại lại số dư đầu năm trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 cho mục đích so sánh. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 VND (đã phân loại lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Hàng tồn kho	436.191.806.118	725.731.042.297
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(52.627.323.405)	(173.554.934.148)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	168.611.625.436	-

Các số liệu so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang dựa trên số liệu trích từ báo cáo tài chính đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

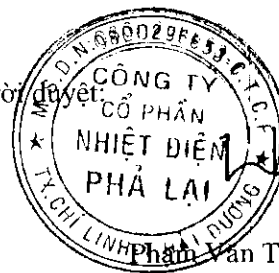
Ngày 21 tháng 3 năm 2018

Người lập:

Đinh Thị Diễm Quỳnh
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Lê Thế Sơn
Kế toán trưởng



Phạm Văn Thư
Tổng Giám đốc